

ĐỘNG CƠ HỌC NGOẠI NGỮ VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY ĐỘNG CƠ HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN

○ ThS. NGUYỄN THANH DUNG*

Có nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng tới hiệu quả học ngoại ngữ (NN) nói chung, học tiếng Anh nói riêng như động cơ học tập (ĐCHT), năng khiếu, thái độ học tập,... Trong đó, ĐCHT đã được nhiều nhà nghiên cứu xác định là một trong những yếu tố có vai trò vô cùng quan trọng, quyết định thành công hay thất bại của người học NN. Theo Dornyei (1) «*Nếu không có ĐCHT đầy đủ thì thậm chí những người học sáng dạ cũng khó có thể kiên trì theo đuổi lâu dài việc học để đạt được kiến thức NN thực sự có ích. Trong khi đó, hầu hết người học có ĐCHT mạnh mẽ đều có khả năng đạt được kiến thức NN có thể sử dụng trong công việc mặc dù họ có hạn chế về năng khiếu hoặc điều kiện học tập không thuận lợi*». Vì vậy, việc tìm ra những biện pháp nhằm thúc đẩy động cơ (ĐC) học tiếng Anh cho người học là việc làm cần thiết và có ý nghĩa.

1. Khái niệm ĐC trong học NN

ĐC là một khái niệm trừu tượng mà người ta vẫn sử dụng để lý giải tại sao một người suy nghĩ và hành động. Trong dạy học nói chung, dạy học tiếng Anh nói riêng, ĐC là khái niệm thường xuyên được sử dụng. Khi GV nhận định rằng một sinh viên (SV) có ĐCHT tích cực có nghĩa là ở SV đó hội tụ những đặc điểm như lòng say mê, sự nhiệt tình đối với môn học, sự kiên trì theo đuổi mục tiêu học tập để ra và sự nỗ lực để đạt được mục tiêu đó cùng với thái độ đúng đắn đối với môn học. Ngược lại, khi GV nhận định rằng một SV không có ĐCHT hoặc có ĐCHT thấp có nghĩa là ở SV đó không có được những đặc điểm của người SV có ĐCHT tích cực. Trong nhiều thập kỉ qua, các nhà nghiên cứu đã có nhiều nỗ lực trong việc đưa ra định nghĩa về ĐC trong học NN. Theo Gardner (2) ĐC bao gồm bốn khía cạnh, đó là: *mục tiêu; nỗ lực; mong muốn đạt được mục tiêu, thái độ tích cực đối với hoạt động học ngôn ngữ*. Theo Ames & Ames (3) ĐC là động lực tạo ra và duy trì những dự định và những hành động tìm kiếm và theo đuổi mục tiêu. Oxford và Shearin (4) định nghĩa ĐC là mong muốn đạt được mục

tiêu kết hợp với nỗ lực làm việc nhằm hướng tới mục tiêu đã đặt ra.

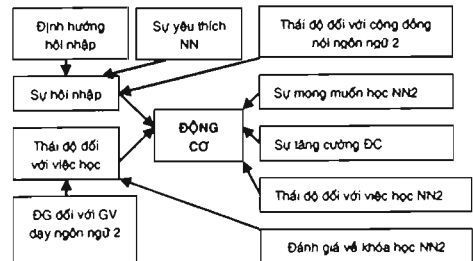
Như vậy, có thể thấy rằng mặc dù khái niệm ĐC trong học NN được các nhà nghiên cứu định nghĩa khác nhau, nhưng có thể dễ dàng nhận thấy điểm chung trong khái niệm của họ về ĐC học NN, đó là *mục tiêu học tập và nỗ lực để đạt được mục tiêu*. Trong dạy học tiếng Anh, khi GV nghĩ đến các phương pháp nhằm khuyến khích những SV chưa chăm học học tập chăm chỉ hơn, phương pháp tạo ra bầu không khí học tiếng Anh hấp dẫn hay cách khen thưởng những SV đạt thành tích cao trong học tập, cũng có nghĩa là họ đã hướng tới vấn đề ĐCHT.

2. Phân loại ĐC trong học NN

Loại hình ĐC thường được đề cập trong dạy học NN là *ĐC theo định hướng hội nhập* (integrative motivation) và *ĐC theo định hướng công cụ* (instrumental motivation). Việc phân loại ĐC theo hai hướng này là nỗ lực rất lớn của nhà nghiên cứu ngôn ngữ tâm lí học Gardner.

1) *ĐC theo định hướng hội nhập*. Trong mô hình giáo dục xã hội về sự hấp thụ ngôn ngữ thứ hai, Gardner đã thảo luận rất kĩ về loại hình ĐC này. Theo Gardner, ĐC theo định hướng hội nhập được đặc trưng bởi thái độ tích cực của người học đối với cộng đồng ngôn ngữ mục tiêu và niềm ước ao, mong muốn được hội nhập trở thành thành viên của cộng đồng ngôn ngữ mục

Quan niệm của Gardner về ĐC trong Mô hình giáo dục xã hội về hấp thụ ngôn ngữ thứ hai



* Trường Đại học sư phạm nghệ thuật TW

tiêu. Từ kết quả của những công trình nghiên cứu lâu dài, Gardner đã đi đến kết luận rằng thái độ của người học đối với ngôn ngữ và nền văn hóa của ngôn ngữ mục tiêu có ảnh hưởng lớn đối với ĐC học ngôn ngữ. Trong mô hình giáo dục xã hội về sự hấp thụ ngôn ngữ thứ hai, ông đã chỉ ra nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng tới ĐC học ngôn ngữ. Trong các yếu tố đó sự hội nhập và thái độ của người học có ý nghĩa quan trọng trong việc làm tăng ĐCHT.

2) **ĐC theo định hướng công cụ.** Nhìn chung, các nhà nghiên cứu đã đưa ra những cách hiểu khác nhau về loại hình ĐC theo định hướng công cụ (Gardner & Lambert (5); Clement & các cộng sự (6)). Trong quan điểm của họ có điểm chung về loại hình ĐC này là ĐC theo định hướng công cụ liên quan đến mong muốn học NN để đạt được một mục đích cụ thể nào đó như kiếm được việc làm, được tăng lương, được thăng chức... Nhiều nghiên cứu đã kết luận rằng ĐC theo định hướng công cụ có mối liên quan chặt chẽ tới thành quả học NN. Nói cách khác, những người học có những lí do mang tính công cụ khi học NN sẽ có nhiều khả năng thành công. Ví dụ, Lukmani (7) đã chứng minh được rằng ĐC mang tính công cụ có vị trí quan trọng hơn ĐC mang tính hội nhập qua kết quả của công trình nghiên cứu được thực hiện trong môi trường học tiếng Anh ở Bombay, Ấn Độ.

Từ những quan điểm khác nhau đã trình bày ở trên về tầm quan trọng của ĐC theo định hướng công cụ, tác giả có liên hệ tới việc học tiếng Anh ở những quốc gia châu Á, nơi mà tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai và người học tiếng Anh ít có cơ hội để giao tiếp hay tiếp cận với nền văn hóa của cộng đồng ngôn ngữ hai thì ĐC mang tính công cụ có vai trò quan trọng đối với việc học tiếng Anh của người học. Tuy nhiên, để việc học NN nói chung, học tiếng Anh nói riêng được duy trì lâu dài người học cần có cả ĐCHT theo định hướng hội nhập. Bởi vì, nếu chỉ có ĐC theo định hướng công cụ - tức là học tiếng Anh để giải quyết một mục đích cụ thể trước mắt thì khi đạt được mục đích ĐCHT sẽ giảm hoặc hoàn toàn mất đi. Ngược lại, nếu người học có ĐC học tiếng Anh theo định hướng hội nhập, tức là tự bản thân người học thích học tiếng Anh vì những lí do như ngưỡng mộ ngôn ngữ, ngưỡng khám phá nền văn hóa cũng như tìm hiểu về con người của cộng đồng ngôn ngữ mục

tiêu thì việc học tiếng Anh của họ sẽ được duy trì lâu dài. Tuy nhiên, để chứng minh điều này, cần tiến hành nghiên cứu về mối quan hệ giữa hai loại hình ĐC này đối với kết quả học tập tiếng Anh của người học.

3. Vai trò của ĐC trong học NN

Nói về tầm quan trọng của ĐC trong học NN Dornyei (1) cho rằng «ĐC liên quan tới một trong những khía cạnh cơ bản nhất của trí óc con người và hầu hết GV và các nhà nghiên cứu đều đồng ý rằng ĐC có một vai trò rất quan trọng trong việc quyết định thành công hay thất bại trong bất kì môi trường học tập nào». Dornyei (1) cũng cho rằng «99% người học NN thực sự có ĐCHT tích cực sẽ có khả năng đạt được kiến thức ngôn ngữ nhất định cho dù họ có hạn chế về năng khiếu học NN».

Để nhấn mạnh tầm quan trọng của ĐC trong việc học NN, Wlodkowski (8) nhận định rằng mặc dù chưa có một thống nhất chung trong việc đưa ra khái niệm về ĐC nhưng các nhà nghiên cứu đều ý thức rằng ĐC là quan trọng và cần thiết trong quá trình học ngôn ngữ thứ hai. Wlodkowski cũng nhấn mạnh rằng trong quá trình học ngôn ngữ thứ hai nếu người học thực sự hứng thú thì việc học sẽ diễn ra một cách trôi chảy, giao tiếp ngôn ngữ này sinh, lo lắng sẽ giảm, sự sáng tạo trong học tập sẽ được thể hiện rõ ràng hơn.

Để khẳng định tầm quan trọng của ĐC trong học NN, Gardner (9) cho rằng tất cả những đặc điểm khác biệt mang tính cá thể có ảnh hưởng đến hiệu quả tiếp thu ngôn ngữ thứ hai như thái độ, năng khiếu ngôn ngữ, sự tự tin, sự sợ hãi, trí thông minh, chiến lược học ngôn ngữ, đều phụ thuộc vào ĐC học ngôn ngữ. Bên cạnh đó, theo Dornyei & Csizer (10), Cheng & Dornyei (11) và Guillebaux & Dornyei (12), ban đầu ĐC đóng vai trò khởi động việc học NN, sau đó đóng vai trò là lực đẩy liên tục giúp cho việc duy trì cuộc hành trình làm chủ ngôn ngữ thứ hai diễn ra bền bỉ, lâu dài. Cũng theo các nhà nghiên cứu này, nếu không có đầy đủ ĐC học NN thì thậm chí những cá nhân có năng lực vượt trội sẽ không có khả năng đạt được mục tiêu lâu dài và dù có một chương trình dạy học phù hợp cũng như PPDH tốt cũng chưa đủ để đảm bảo hiệu quả học tập của người học.

Như vậy, có thể thấy rằng ĐC có vai trò rất quan trọng trong quá trình học NN nói chung, học tiếng Anh nói riêng. Vấn đề đặt ra là trong quá trình dạy học tiếng Anh người GV có thể hỗ trợ giúp người học duy trì và thúc đẩy ĐCHT như thế nào.

4. Biện pháp thúc đẩy ĐC học tiếng Anh cho SV

Để quá trình hấp thụ tiếng Anh thực sự là một trải nghiệm thú vị, không áp lực đối với SV, GV là người có thể trực tiếp có những tác động tích cực tới SV thông qua những việc làm sau: - *Cần ứng xử đúng mực và thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với SV.* Cụ thể, luôn thể hiện sự công bằng trong đánh giá kết quả học tập, có hành động khích lệ kịp thời đối với mỗi nỗ lực của SV, tế nhị trong việc góp ý sửa lỗi cho SV; - *Tạo ra bầu không khí lớp học thoải mái.* Cụ thể, trong quá trình học tập GV luôn thể hiện vai trò là người hỗ trợ (facilitator) giúp đỡ SV trong trường hợp cần thiết để SV luôn cảm nhận được cảm giác an toàn trong lớp học. Từ đó, tạo thêm động lực cho SV trong quá trình tiếp thu NN; - *Luôn có ý thức tìm tòi, ứng dụng những PPDH phù hợp với từng đối tượng SV cụ thể.* Đặc biệt, việc đổi mới PPDH tiếng Anh cần được thực hiện theo hướng lấy người học làm trung tâm. Các hoạt động học tập cần thường xuyên được thay đổi tránh sự lặp lại gây ra sự nhàm chán và làm giảm ĐCHT của SV. Hơn nữa, các hoạt động thực hành ngôn ngữ cần được thiết kế theo hướng tạo cơ hội cho SV có thể thực hiện các hoạt động thực hành ngôn ngữ theo cặp hoặc theo nhóm nhỏ. Các hoạt động học tập cũng cần được thiết kế phù hợp với trình độ và theo những chủ đề phù hợp với sở thích của SV nhằm lôi cuốn SV tham gia một cách chủ động; - *Cần ứng dụng công nghệ thông tin vào giờ học NN.* Bởi vì, công nghệ thông tin có thể hỗ trợ GV trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy. Các phần mềm âm thanh, hình ảnh giúp ích nhiều cho GV trong việc thiết kế các bài giảng tiếng Anh sinh động có sức hấp dẫn đối với SV; - *Trong quá trình dạy học NN GV cũng cần chú ý tới loại hình ĐCHT của SV để có những tác động phù hợp, kịp thời.* Để thúc đẩy ĐC theo định hướng công cụ của SV, trong tài liệu giảng dạy cần chú trọng vào việc rèn luyện các kĩ năng thực tế cho SV như kĩ năng giao tiếp trong công việc bằng tiếng Anh, kĩ năng sử dụng tiếng Anh trong các tình huống phỏng vấn xin việc làm,... Một khác, để duy trì và thúc đẩy ĐC theo định hướng hội nhập cho SV, cần hướng vào việc hình thành thái độ tích cực của SV đối với cộng đồng của ngôn ngữ mục tiêu thông qua việc giới thiệu các tác phẩm thơ ca, văn học, âm nhạc,... của cộng đồng ngôn ngữ mục tiêu tới SV. Bên cạnh đó, việc giao tiếp của SV đối với người bản ngữ cũng cần được

chú ý quan tâm bằng cách tổ chức các hoạt động học tập tiếng Anh như câu lạc bộ tiếng Anh, các cuộc thi tìm hiểu về đất nước và con người nước Anh và mời người bản xứ cùng tham gia.

...

ĐC là một trong những thành tố có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy, duy trì mục tiêu học tập NN của người học. Mặc dù trong nhiều thập kỉ qua đã có rất nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới nghiên cứu về vấn đề này. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu đều chủ yếu nỗ lực nghiên cứu những vấn đề lí luận liên quan đến ĐC học NN như khái niệm về ĐC học NN, phân loại ĐC học NN, cấu trúc ĐC học NN,... Tác giả nhận thấy cần có thêm công trình nghiên cứu về các biện pháp thúc đẩy ĐC học NN và hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp đó trong môi trường học NN cụ thể. □

Tài liệu tham khảo

1. Dornyei, Z. *Motivational Strategies in the Language Classroom*. Cambridge: CUP; 2001.
2. Gardner, R.C. *Social Psychology and Second Language Learning: The Role of Attitudes and Motivation*. UK: Edward Arnold; 1985.
3. Ames, C., & Ames, R. *Research in Motivation in Education*. San Diego: Academic Press; 1989.
4. Oxford, R. L. & Shearin, J. *Language learning Motivation: Expanding the Theoretical Framework*. The modern Language Journal, 78, 12-28; 1994.
5. Gardner, R.C. and Lambert, W.E. *Attitude and Motivation in Second Language Learning*. Wovly, MA: Newbury House Publishers; 1972.
6. Clement, R., & Kruidenier, B.G. *Aptitude, Attitude, and Motivation in Second Language Proficiency: A Test of Clement's Model*. Journal of Language and Social Psychology, 4, 21-37; 1985.
7. Lukmani, Y.M. *Motivation to Learn and Language Proficiency Language Learning*; 1972.
8. Wlodkowski, R. *Enhancing adult motivation to learn: A comprehensive guide for teaching all adults (second edition ed)*. San Francisco: Jossey-Bass Publishers; 1999.
9. Gardner, R.C. *Integrative Motivation and Second Language Acquisition*. In Z. Dornyei & R. Schmidt (Eds.), *Motivation and Second Language Acquisition*. Honolulu: University of Hawaii, Second Language Teaching and Curriculum Center; 2001.
10. Dornyei, Z., and Csizer, K. *Ten commandments for motivating language learners: Results of an empirical study*. Language Teaching Research; 1998.
11. Cheng, H., & Dornyei, Z. *The use of motivational strategies in language instruction: The case of EFL teaching in Taiwan*. Innovation in Language Learning

(Xem tiếp trang 50)

bé không cha mẹ, không họ hàng thân thích, đi theo một đoàn xiếc chó, khi, rồi dẫn đầu đoàn ấy đi lưu lạc khắp nước Pháp. Em bé Rê-mi ấy đã lớn lên trong gian khổ. Em đã chung đụng với mọi hạng người, sống khắp mọi nơi. Đã có khi em lang thang suốt mấy ngày không có chút gì trong bụng. Đã có khi em bị chôn trong mồ trong mấy ngày đêm; bị mắc oan, bị giết ra trước và bị . Và cũng có khi em được nuôi nấng đàng hoàng, no ấm. Nhưng dù ở đâu, trong cảnh ngộ nào, em vẫn noi theo nếp rèn dạy của cụ già nhân từ Vi-ta-li giữ phẩm chất làm người, luôn luôn khao khát và quyết tâm học tập. *Cuốn tiểu thuyết "Không gia đình" được giải thưởng Viện Hàn lâm Văn học Pháp, nhiều người yêu thích, được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới, các em cùng học bài để tìm hiểu xem tại sao câu chuyện lại có sức lôi cuốn người đọc như vậy.*

• • •

Sử dụng BĐTD để giới thiệu bài là cách làm gây được ấn tượng cho HS về một bài học mới, kích thích được sự tập trung, chú ý ở các em. Việc kết hợp BĐTD và ngôn từ, hoạt động dẫn nhập bài mới sẽ trở nên sinh động và dễ dàng hơn rất nhiều đối với GV và lời cuốn HS. GV sẽ tiết kiệm được thời gian, tăng sự linh hoạt trong bài giảng, giúp HS nắm được kiến thức thông qua một « sơ đồ » thể hiện các liên kết chặt chẽ

của tri thức. ó cũng chính là một trong những cách làm thiết thực triển khai nội dung dạy học có hiệu quả - một trong năm nội dung của phong trào thi đua « Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực ». □

Tài liệu tham khảo

1. Tony Buzan. **Sơ đồ tư duy**. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009.
2. Trần Đình Châu. "Sử dụng bản đồ tư duy - một biện pháp hiệu quả hỗ trợ học sinh học tập môn toán" *Tạp chí Giáo dục*, kì 2 - tháng 9/2009.
3. Trần Đình Châu - Đặng Thị Thu Thủy. **Dạy tốt - học tốt các môn học bằng bản đồ tư duy**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2011.
4. Nguyễn Thị Hạnh. **Đạy học đọc hiểu ở tiểu học**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2002.
5. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên). **Tiếng Việt 5** (tập 1; 2). NXB Giáo dục, H. 2007.

SUMMARY

Using Mind map to lead in a new lesson will be a good way which impresses pupils and stimulates their curiosity and attentions to the lessons. Thanks to the combination between Mind map and Language use, the lead in of a new lesson will be more vivid and easier for teachers themselves and it will be more attractive to their pupils. Thanks to this way, teachers can save time and enhance the flexibility in teaching, teachers can also help pupils understand the lessons with a "map" illustrating the concise links of knowledge.

Giáo dục nếp sống...

(Tiếp theo trang 37)

2. Mai Huy Bích. **Lối sống gia đình ngày nay**. NXB Phụ nữ, H. 1987.
3. Nguyễn Như Chiến. **Nghiên cứu hành vi chấp hành luật giao thông đường bộ của học sinh trung học cơ sở khi tham gia giao thông**. Luận án tiến sĩ tâm lý học, 2009.
4. Vũ Dũng (chủ biên). **Từ điển tâm lý học**. NXB Khoa học xã hội, H. 2009.
5. Đỗ Long (chủ biên). **Yếu tố sinh học và yếu tố xã hội trong sự phát triển tâm lý người**. NXB Khoa học xã hội, H. 1999.
6. Nguyễn Thế Nghĩa - Tôn Nữ Quỳnh Trân. **Phát triển đô thị bền vững**. NXB Khoa học xã hội, H. 2002.

SUMMARY

In Ho Chi Minh City, the high school students believed that they have performed the civilized behavior of urban living in high level, specially in 11 behaviors. They have also expressed their decisions in choosing the way in some situations in which they have to do. So many factors what made influence to students is showing civilized behaviors in which the roles of family, school are very important. In research, there are some reasons about this, some of them are: Informations were not enough to making chang in students conscious in making self emage....

In increasing the civilized behavior, the educational force would be combined to get results.

Động cơ học ngoại ngữ...

(Tiếp theo trang 45)

- and Teaching, 1, 153-174; 2007.
12. Guilloteaux, MJ, & Dornyei, Z. **Motivating Language Learners: A classroom-oriented investigation of the effects of motivational strategies on student motivation**. TESOL Quartly, 42, 55-77; 2008.

SUMMARY

This paper presents a very important issue in English language teaching: motivation. Different definitions of motivation, types of motivation and the significance of motivation in English learning are reviewed. Some ways of motivating English foreign language learners are suggested in the paper as well.